

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHỢ GẠO
TỈNH TIỀN GIANG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **198/2022/HNGĐ-ST**

Ngày: 05/5/2022

V/v: “xin ly hôn, cấp dưỡng
nuôi con chung”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ GẠO, TỈNH TIỀN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông **Phạm Văn Tài**.

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông **Trương Hoàng Hoa**

2. Bà **Nguyễn Thị Cẩm Giang**

- *Thư ký phiên tòa:* Bà **Nguyễn Dương Kim Cương** Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Gạo tham gia phiên toà:* ông **Phạm Minh Thanh** Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 5 năm 2022 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 380/2021/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 12 năm 2021 về việc tranh chấp “xin ly hôn, cấp dưỡng nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 49/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 4 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** **Võ Thị Phi L, sinh năm 1993**

Địa chỉ: ấp An N, xã B, huyện M, tỉnh BT

- **Bị đơn:** **Nguyễn Ngọc T, sinh năm 1989**

Địa chỉ: ấp Bình P, xã Bình Phục N, huyện C, tỉnh T

(Chị L và anh T cùng có đơn xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và biên bản hòa giải, nguyên đơn Võ thị Phi L trình bày:

- Về hôn nhân: chị và anh T do tìm hiểu, tự nguyện tiến đến hôn nhân có tổ chức cưới vào đầu năm 2013, có đăng ký kết hôn và được UBND xã Ngãi Đ, huyện M, tỉnh BT cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 34 ngày 12/7/2013. Sau khi kết hôn, vợ chồng chị sống hạnh phúc cho đến năm 2018 vợ chồng thường xảy ra nhiều mâu thuẫn về kinh tế, tình cảm, thường xuyên cự cãi, bất đồng quan điểm, hôn nhân dần mất hạnh phúc. Anh, chị đã ly thân từ ngày

31/8/2018 cho đến nay và không có biện pháp nào hàn gắn tình cảm, nay tình cảm không còn, chị yêu cầu được ly hôn với anh T.

- Về con chung: Anh, chị có 01 con chung tên Nguyễn Ngọc Minh K, sinh ngày 16/7/2015, hiện con đang sống cùng với chị L. Ly hôn, chị L yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung và yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.000.000 đồng

- Về tài sản chung: Chị và anh T không có tài sản chung.

- Về nợ chung: Chị và anh T không có nợ chung.

Do bận đi làm nên chị có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa.

** Tại bản tự khai, biên bản hòa giải, bị đơn Nguyễn Ngọc T trình bày:*

Anh thống nhất lời trình bày của chị L về thời gian cưới nhau, kết hôn, con chung, tài sản chung, nợ chung cũng như nguyên nhân vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Anh, chị đã ly thân từ tháng 8/2018 cho đến nay. Nay L xin ly hôn, anh đồng ý ly hôn.

Về con chung: Anh đồng ý để chị L được tiếp tục nuôi con, anh không đồng ý cấp dưỡng nuôi con vì hiện tại làm nghề tài xế xe tải, chở hàng cho công ty, thu nhập hàng tháng ổn định với mức lương 7.000.000 đồng, sau khi trừ chi phí sinh hoạt, ăn uống thì không còn tiền cấp dưỡng nuôi con nên anh sẽ cho con tiền khi đến thăm con.

Do bận đi làm, điều kiện đi lại khó khăn nên anh xin vắng mặt tại phiên tòa.

** Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu:*

Về việc tuân theo pháp luật: Việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; Thư ký, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều tuân thủ đúng quy định pháp luật.

Về quan điểm giải quyết vụ án: yêu cầu của nguyên đơn là có cơ sở, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, lời trình bày của đương sự, ý kiến phát biểu của Viện Kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: chị L và anh T tự nguyện tìm hiểu và tiến đến hôn nhân, có tổ chức cưới vào năm 2013. Anh, chị có đăng ký kết hôn và được UBND xã Ngãi Đ, huyện M, tỉnh BT cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 34 ngày 12/7/2013 nên quan hệ hôn nhân giữa anh, chị được pháp luật công nhận là hôn nhân hợp pháp. Chị L xin ly hôn và tranh chấp cấp dưỡng nuôi con chung với anh T, anh T cư trú tại ấp Bình P, xã Bình Phục N, huyện C, tỉnh T. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là "xin ly hôn, cấp dưỡng nuôi con chung" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện C và được xem xét giải quyết theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2] Nguyên đơn và bị đơn cùng có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa nên Hội đồng xét xử quyết định căn cứ theo quy định tại khoản 1 điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt đối với các đương sự này.

[3] Xét yêu cầu xin ly hôn của chị L, Hội đồng xét xử nhận thấy: Mâu thuẫn ban đầu giữa vợ chồng anh, chị không lớn nhưng anh, chị không tự khắc phục được để kéo dài làm ảnh hưởng đến hạnh phúc vợ chồng dẫn đến mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn nên anh, chị đã ly thân từ tháng 8/2018 cho đến nay và không có giải pháp nào hàn gắn tình cảm dẫn đến chị L xin ly hôn. Anh T cũng đồng ý ly hôn vì không còn tình cảm vợ chồng với chị L, điều này chứng tỏ quan hệ hôn nhân giữa anh, chị đã lâm vào tình trạng mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên việc chị L xin ly hôn là phù hợp Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về con chung: anh T và chị L có một con chung tên Nguyễn Ngọc Minh K, sinh ngày 16/7/2015, hiện đang sống cùng với chị L. Ly hôn, chị L yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung.

Xét thấy, cháu Nguyễn Ngọc Minh K hiện đang sống ổn định cùng chị L, hơn nữa anh T cũng đồng ý để chị L trực tiếp nuôi con. Do đó, để đảm bảo cho cháu K có cuộc sống ổn định phát triển toàn diện về mọi mặt, Hội đồng xét xử chấp nhận giao cho chị L được quyền tiếp tục nuôi dưỡng con chung là phù hợp điều kiện chăm sóc, hoàn cảnh cuộc sống của các bên và phù hợp quy định của pháp luật.

Người không trực tiếp nuôi con được quyền đến thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được ngăn cản.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con chung: chị L yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung và yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.000.000 đồng. Anh T không đồng ý cấp dưỡng nuôi con vì anh không có tiền để cấp dưỡng.

Nhận thấy: Trong quá trình giải quyết vụ án, anh T không đồng ý cấp dưỡng nuôi con, anh sẽ cho tiền cho con khi anh đến thăm con chứ anh không đồng ý cấp dưỡng. Xét thấy, anh T có công việc, thu nhập ổn định nên có khả năng cấp dưỡng nuôi con, cụ thể: tại biên bản hòa giải ngày 06/01/2022 tại Tòa án, anh T thừa nhận: hiện tại anh làm nghề tài xế xe tải, chở hàng cho công ty, thu nhập hàng tháng ổn định với mức lương 7.000.000 đồng/tháng trong khi con chung còn nhỏ tuổi và mức yêu cầu cấp dưỡng 1.000.000 đồng/tháng mà chị L yêu cầu là phù hợp. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị L, buộc anh T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.000.000 đồng, bắt đầu cấp dưỡng khi bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng theo quy định của pháp luật là phù hợp với thu nhập, khả năng thực tế của người có nghĩa vụ cấp dưỡng và nhu cầu thiết yếu của người được cấp dưỡng.

[6] Về tài sản chung, nợ chung: trong quá trình giải quyết vụ án, chị L và anh T cùng trình bày vợ chồng anh, chị không có nợ chung và tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết vì thế Hội đồng xét xử không giải quyết.

[7] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: chị L phải nộp án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

[8] Về quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ, chị L và anh T có quyền kháng cáo yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử theo trình tự phúc thẩm.

[9] Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng pháp luật tố tụng dân sự; đối với yêu cầu xin ly hôn, yêu cầu nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con chung của nguyên đơn là có căn cứ pháp luật đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận. Đề nghị này phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 110, Điều 116, Điều 117 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015

- Căn cứ khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

*** Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Võ Thị Phi L**

1. Về hôn nhân: chị Võ Thị Phi L được ly hôn với anh Nguyễn Ngọc T

2. Về con chung:

Chị Võ Thị Phi L được quyền tiếp tục nuôi con chung tên Nguyễn Ngọc Minh K, sinh ngày 16/7/2015;

Người không trực tiếp nuôi con chung được quyền đến thăm nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng con chung, không ai được cản trở.

Anh Nguyễn Ngọc T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung Nguyễn Ngọc Minh K mỗi tháng 1.000.000 đồng (*Một triệu đồng*), bắt đầu cấp dưỡng khi bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng theo quy định của pháp luật.

Kể từ khi chị Võ Thị Phi L có đơn yêu cầu thi hành án, nếu anh Nguyễn Ngọc T chậm thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng số tiền nêu trên thì hàng tháng anh còn phải trả lãi theo lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

3. Về tài sản chung, nợ chung: chị Võ Thị Phi L và anh Nguyễn Ngọc T cùng trình bày anh, chị không có nợ chung và tài sản chung.

4. Về án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm:

Chị Võ Thị Phi L phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng chị đã nộp tạm ứng theo biên lai thu số 0005253 ngày 07/12/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Gạo. Như vậy, chị L đã nộp xong án phí.

Anh Nguyễn Ngọc T phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

5. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ, chị L và anh T có quyền kháng cáo yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử theo trình tự phúc thẩm.

6. Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án Dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

*** Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Chợ Gạo;
- Chi cục THADS huyện Chợ Gạo;
- UBND xã Ngãi Đăng,
huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre
- Nông sãi;
- Lưu hồ sơ.

Phạm Văn Tài